

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-PT

Ngày 21/12/2022

*“V/v yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng;

Ông Lê Văn Luật.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xét xử số 03 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TB-TLVA ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị V, sinh năm 1962; trú tại: KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Đình D, sinh năm 1964 và ông Trần Đình C, sinh năm 1969; cùng trú tại: KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; ông C có mặt, ông D vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Trần Đình D1, sinh năm 1958; trú tại: KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; trú tại: T4, xã GH, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1994; trú tại: KP8, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị L, sinh năm 1996; trú tại: KP8, thị trấn CV, huyện G, tỉnh

Quảng Trị; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Hoàng M, sinh năm 1961; trú tại: KP1, P5, Thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (*theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2021*); có mặt.

- *Người kháng cáo* – bị đơn: Ông Trần Đình C; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1985, bà Trương Thị V lấy chồng và sống chung cùng ba mẹ chồng. Năm 1988, ba mẹ chồng cho vợ chồng bà V một phần diện tích đất để làm nhà ở riêng cạnh nhà ba mẹ, sau đó vợ chồng bà V khai hoang thêm và lập vườn. Năm 2002, gia đình bà V đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số W 617701 ngày 17/12/2002, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, diện tích 1131 m² (trong đó: 200 m² đất ở và 931 m² đất vườn), địa chỉ: xã Gio Việt, huyện G, tỉnh Quảng Trị, nay là KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Năm 2011, em chồng của bà V là ông Trần Đình D chưa có chỗ ở nên gia đình bà V đã cho ông D xây nhà trên một phần diện tích đất của gia đình bà V và gia đình bà V đã xây tường rào làm ranh giới giữa 02 nhà (gia đình bà V và gia đình ông D). Tuy nhiên, đến nay gia đình bà V chưa làm thủ tục tách đất cho ông D.

Năm 2017, gia đình bà V làm thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ vì đã cho ông D xây nhà ở nên diện tích đất của hộ gia đình bà V chỉ còn lại 1.060 m² thì ông D và ông C gây gổ, ngăn cản không cho cán bộ đo đạc làm việc. Bà V làm đơn trình báo lên Ủy ban nhân dân thị trấn Cửa Việt, qua nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2021, bà V tiếp tục gửi đơn và Ủy ban tổ chức hoà giải thì tại Biên bản hòa giải ngày 06/4/2021 thể hiện:

Ông D trình bày: “*Ranh giới giữa đất gia đình ông D và gia đình bà V thể hiện bằng tường rào bê tông. Tôi không có ý kiến tranh chấp gì*”.

Ý kiến của ông C: “*Ranh giới giữa đất gia đình tôi và gia đình bà V (Phía Tây nhà bà V) tôi đồng ý*”, “*Ngoài ra, ông C yêu cầu bà V dịch chuyển ranh giới phía Đông giáp đường bê tông để dành hành lang đường*”, tuy nhiên phần này không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông C nên bà V không đồng ý.

Sau khi hòa giải, khoảng tháng 10/2021, bà V tiếp tục mời cán bộ về đo đạc để cấp đổi GCNQSDĐ thì ông D và ông C lại tiếp tục cản trở. Ông D, ông C gây gổ, cản trở dẫn đến cán bộ của cơ quan chức năng không tiến hành đo đạc lại để

cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình bà V. Hành vi của ông D, ông C xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà V làm cho gia đình không tiến hành được các thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ.

Do đó, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 169 Bộ luật dân sự; khoản 16 Điều 3, Điều 164, Điều 166 Luật đất đai, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Đình D và ông Trần Đình C phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ bà Trương Thị V hiện đang sử dụng đã được cấp giấy CNQSDĐ theo kết quả thẩm định tại chỗ là 1.003,5m² tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thửa đất: KP3, thị trấn CV, huyện G (Trước đây là xã Gio Việt, huyện G), tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 617701 ngày 17/12/2002.

Đối với diện tích đất của hộ bà V đã được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng ông D đang sử dụng 97,6m² và ông C đang sử dụng 30m² bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay ông Trần Đình C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, tại KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị là do bố mẹ ông C để lại, năm 1995 cho bà Trương Thị V 1.000m², diện tích đất còn lại ông C sử dụng không có tranh chấp với bà Trương Thị V. Năm 2002 nhà nước có chủ trương cấp đất thì ông C sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 2015, bà V tự ý chặt cây Dương liễu nên ông C ngăn cản. Ông C không lấn chiếm đất của của bà V cũng như ngăn cản việc sử dụng đất của bà V. Đề nghị Tòa án tiến hành kiểm tra thực tế để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Tại biên bản hòa giải ngày 18/02/2022 ông Trần Đình D trình bày: ông D không có tranh chấp với bà Trương Thị V, việc tranh chấp chỉ xảy ra giữa ông C với bà V, vì bà V đã chặt phá cây dương liễu của ông C. Tuy nhiên, diện tích đất trên có nguồn gốc là do bố mẹ ông D khai hoang, bà V là con dâu không có quyền kê khai để được cấp Giấy CNQSDĐ.

- Tại biên bản hòa giải ngày 10/8/2022, ông Trần Đình C và ông Trần Đình D trình bày: Không đồng ý hòa giải, bà Trương Thị V là con dâu không có quyền đối với diện tích đất trên, bà V tự ý làm sổ đỏ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình D1, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H1 và chị Trần Thị L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3, Điều 164, khoản 5, 7 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị V. Buộc ông Trần Đình D và ông Trần Đình C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với diện tích đất 1.003,5m² tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 617701 ngày 17/12/2002 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ bà Trương Thị V tọa lạc tại KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2022, bị đơn ông Trần Đình C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Đồng thời, kiến nghị với cơ quan chức năng thu hồi hủy bỏ Giấy CNQSD đất số W617701 cấp ngày 17/12/2002 cho hộ bà Trương Thị V, buộc bà Trương Thị V chấm dứt hành vi sử dụng xây dựng, san lấp trên diện tích đất 1.131m², thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4 tại KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có biện pháp xử lý hành chính vụ không đối với bà Trương Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Sau khi nhận được đơn kháng cáo của bị đơn, Thẩm phán cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, xem xét. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Điều BLTTDS, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G

Căn cứ Điều 169 Bộ luật dân sự 2015; khoản 16 Điều 3, Điều 166 Luật đất đai 2013, khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016: Không Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình C

Về án phí: Bị đơn ông Trần Đình C phải chịu 300.000 án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đình C và Trần Đình D chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ bà Trương Thị V theo Giấy CNQSDĐ số W 617701 ngày 17/12/2002, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất*”, quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Đình C được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định, đã nộp tiền án phí phúc thẩm nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình C:

Ông Trần Đình C kháng cáo cho rằng nguồn gốc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại thôn An Trung, xã Gio Việt nay là KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị là của bố mẹ ông C, bà V, chị H, chị H1 và chị L đều không có quyền hạn đối với diện tích trên nên việc khởi kiện của bà V là không có căn cứ. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hộ bà Trương Thị V được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy CNQSD đất số W 617701 ngày 17/12/2002, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.131m² tại thôn An Trung, xã Gio Việt nay là KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị; trong đó, có

200m² đất ở và 931m² đất vườn. Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất, hộ bà Trương Thị V có 05 nhân khẩu, gồm: Bà Trương Thị V, ông Trần Đình D1 (chồng bà V) và 03 người con của bà V và ông D1 là chị Trần Thị H, chị Trần Thị H1 và chị Trần Thị L. Nguồn gốc diện tích đất trên một phần là do bố mẹ chồng bà Trương Thị V cho và một phần là do vợ chồng bà V sinh sống khai hoang mở rộng thêm. Như vậy, bà V là người sử dụng hợp pháp diện tích đất này và được nhà nước thừa nhận về quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Ông C cho rằng ba mẹ ông C chỉ cho bà V 500m² đất, diện tích còn lại là 599m² là của ông C nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông C không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất của mình đối với một phần diện tích đất 599m² đã được Nhà nước cấp cho hộ bà V. Từ năm 2017 đến nay, ông C, ông D cản trở việc gia đình bà V sử dụng đất khi bà V mời cơ quan chức năng về đo vẽ làm thủ tục cấp đổi Giấy CNQSDĐ thì ông C và ông D cản trở không cho cơ quan chức năng tiến hành đo vẽ.

Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với ông Nguyễn Thanh Tuyền – Công chức địa chính xây dựng của UBND thị trấn Cửa Việt và các hộ dân sống liền kề thửa đất thừa nhận quá trình sử dụng đất của bà Trương Thị V có nguồn gốc do bố mẹ chồng bà V cho và họ có khai hoang thêm, sau đó được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, vợ chồng bà V, ông D1 đã được Nhà nước cấp đất hợp pháp, từ năm 2002 đến năm 2017 sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Đến năm 2017, ông C và ông D đã có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ bà V trong khi họ không được thực hiện những hành vi này.

Tại Điều 12 Luật đất đai 2013 quy định những hành vi bị nghiêm cấm bao gồm hành vi "*Cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật*". Việc ông C và ông D gây gở, cản trở không cho cán bộ đo đạc làm việc để cấp đổi lại giấy CNQSD đất cho bà V là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V được quy định tại Điều 12 Luật đất đai 2013. Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện G chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị V là có cơ sở pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Quảng Trị về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của TAND huyện G, tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí: Kháng cáo của ông Trần Đình C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3, Điều 12, Điều 164, khoản 5, 7 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị V: Buộc bị đơn ông Trần Đình D và ông Trần Đình C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của hộ bà Trương Thị V đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 617701 ngày 17/12/2002 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ bà Trương Thị V tọa lạc tại KP3, thị trấn CV, huyện G, tỉnh Quảng Trị (có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

2.1. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị V thuận chịu số tiền 4.760.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (bà V đã nộp đủ).

2.2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Đình C và ông Trần Đình D phải liên đới chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (Mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Đình C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án

phí số 0000228 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm và tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Hoàn trả cho bà Trương Thị V số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số CC/2021/0000049 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Viết Nam